

# TÁC ĐỘNG CỦA THU NHẬP NGOÀI LÃI ĐẾN HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM: VAI TRÒ CỦA CHẤT LƯỢNG THỂ CHẾ

Nguyễn Thị Thanh Hoa\*  
Trường Đại học Thủ Dầu Một  
Email: nthoa@tdmu.edu.vn

Lê Đình Hạc  
Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh  
Email: hacld@buh.edu.vn

Mã bài báo: JED-2732

Ngày nhận: 17/11/2025

Ngày nhận bản sửa: 04/01/2026

Ngày duyệt đăng: 04/01/2026

DOI: 10.33301/JED.VI.2732

## Tóm tắt:

Nghiên cứu phân tích tác động của thu nhập ngoài lãi đến hiệu quả tài chính của 26 ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam giai đoạn 2008-2023 và vai trò điều tiết của chất lượng thể chế trong mối quan hệ này. Sử dụng GMM hệ thống hai bước để xử lý vấn đề nội sinh, kết quả cho thấy thu nhập ngoài lãi tác động tiêu cực đến hiệu quả ngân hàng (ROAA, ROEA) khi chưa xét yếu tố thể chế. Chất lượng thể chế tác động trực tiếp, tích cực và có ý nghĩa thống kê cao đến hiệu quả ngân hàng, cho thấy vai trò nền tảng của môi trường thể chế đối với hiệu quả vận hành và tính bền vững của hệ thống. Tuy nhiên, khi xét vai trò điều tiết, chất lượng thể chế làm gia tăng tác động tiêu cực của thu nhập ngoài lãi đến hiệu quả ngân hàng, hàm ý rằng trong môi trường thể chế cải thiện, lợi ích cận biên của việc mở rộng hoạt động tạo thu nhập ngoài lãi trở nên hạn chế hoặc bất lợi. Phát hiện này cho thấy chất lượng thể chế không khuếch đại lợi ích đa dạng hóa mà đóng vai trò như cơ chế kỷ luật, tái định hình hiệu quả chiến lược mở rộng hoạt động của các ngân hàng. Nghiên cứu đề xuất hàm ý chính sách về cải cách thể chế, tăng cường giám sát hoạt động phi truyền thống và định hướng đa dạng hóa phù hợp cho ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại, hiệu quả tài chính, GMM, chất lượng thể chế, thu nhập ngoài lãi.  
**Mã JEL:** G21, G28, O16, P34.

## The impact of non-interest income on the financial performance of Vietnamese commercial banks: the role of institutional quality

### Abstract:

This study examines the impact of non-interest Income on the financial performance of 26 Vietnamese joint-stock commercial banks over the period 2008-2023, while simultaneously investigating the moderating role of institutional quality in this relationship. Employing the two-step system GMM estimator to address endogeneity concerns, the empirical results indicate that non-interest income exerts a negative effect on bank performance, measured by ROAA and ROEA, when institutional factors are not taken into account. Institutional quality has a direct, positive, and highly statistically significant effect on bank performance, highlighting the fundamental role of a sound institutional environment in enhancing operational efficiency and the sustainability of the banking system. However, when the moderating role is considered, the findings reveal that institutional quality amplifies the negative impact of non-interest income on bank performance, suggesting that in an improved institutional environment, the marginal benefits of expanding into non-traditional income-generating activities become limited or even detrimental. This result implies that institutional quality does not enhance the gains from diversification but instead acts as a disciplining mechanism that reshapes the effectiveness of banks' expansion strategies. The study provides important policy implications for institutional reforms, strengthened supervision of non-traditional banking activities, and the formulation of appropriate income diversification strategies for Vietnamese commercial banks.

**Keywords:** Commercial banks, financial performance, GMM, institutional quality, non-interest income.

**JEL codes:** G21, G28, O16, P34.

---

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, các ngân hàng thương mại đang phải đối mặt với áp lực lớn về việc duy trì hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh hội nhập tài chính ngày càng sâu rộng. Nhiều ngân hàng đã thực hiện chiến lược tìm kiếm các nguồn thu khác từ phí dịch vụ, giao dịch ngoại hối cho đến đầu tư chứng khoán khi biên lãi ròng bị thu hẹp và sự cạnh tranh giữa các ngân hàng gia tăng. Theo DeYoung & Rice (2004), thu nhập ngoài lãi có thể giúp ngân hàng giảm thiểu rủi ro, ổn định dòng thu nhập và tăng cường khả năng sinh lời, đặc biệt trong bối cảnh biên lãi ròng ngày càng bị thu hẹp do cạnh tranh gay gắt và lãi suất thấp. Nhu cầu về thu nhập không dựa trên lãi suất đã được nhấn mạnh trong thời gian gần đây khi mà các ngân hàng trên toàn thế giới đã không ngừng mở rộng các nguồn thu ngoài lãi suất của mình (Xie & cộng sự, 2022).

Stiroh (2004) và Stiroh & Rumble (2006) tìm thấy bằng chứng rằng thu nhập ngoài lãi không mang lại lợi ích rõ rệt cho các ngân hàng Mỹ, thậm chí có thể làm tăng rủi ro và giảm hiệu quả do thu nhập ngoài lãi có tính biến động cao hơn. Tuy nhiên, khi nghiên cứu tại thị trường châu Âu, Lepetit & cộng sự (2008) cho thấy đa dạng hóa thu nhập giúp cải thiện lợi nhuận điều chỉnh theo rủi ro. Meslier & cộng sự (2014) tìm thấy tác động tích cực của thu nhập ngoài lãi tại các nước mới nổi, nhưng Nguyen (2012) lại cho thấy kết quả không rõ ràng hoặc tiêu cực.

Một yếu tố quan trọng nhưng thường bị bỏ qua trong các nghiên cứu trước đây là vai trò của chất lượng thể chế. Theo North (1990), thể chế là “các quy tắc của trò chơi” trong xã hội, bao gồm các ràng buộc chính thức như luật pháp, quy định và các chuẩn mực phi chính thức như văn hóa, đạo đức. Law & Azman-Saini (2012) đã cho thấy chất lượng thể chế điều tiết mối quan hệ giữa chiến lược kinh doanh và hiệu quả của các tổ chức tài chính.

Mặc dù, thu nhập ngoài lãi đã được nghiên cứu rộng rãi trong mối quan hệ với hiệu quả hoạt động ngân hàng, các bằng chứng thực nghiệm hiện nay vẫn chưa thống nhất và phụ thuộc mạnh vào bối cảnh thị trường, đặc biệt giữa các nền kinh tế phát triển, mới nổi và chuyển đổi. Bên cạnh đó, phần lớn các nghiên cứu trước đây chủ yếu xem xét tác động trực tiếp của thu nhập ngoài lãi, trong khi vai trò điều tiết của chất lượng thể chế vẫn còn tương đối ít được phân tích một cách hệ thống. Đối với Việt Nam, các nghiên cứu thực nghiệm kết hợp đồng thời thu nhập ngoài lãi, chất lượng thể chế và hiệu quả tài chính của ngân hàng thương mại vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm lấp đầy khoảng trống trên, cung cấp bằng chứng thực nghiệm mới cho bối cảnh Việt Nam. Nghiên cứu này hướng đến trả lời các câu hỏi: (1) Thu nhập ngoài lãi có tác động như thế nào đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam? (2) Chất lượng thể chế có điều tiết mối quan hệ này không? Nếu có, điều tiết theo hướng nào? Kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp vào cơ sở lý thuyết về mối quan hệ giữa thu nhập ngoài lãi, chất lượng thể chế và hiệu quả tài chính ngân hàng trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi, mà còn cung cấp hàm ý chính sách quan trọng cho các ngân hàng thương mại Việt Nam trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, cũng như cho cơ quan quản lý trong việc hoàn thiện khung pháp lý và môi trường thể chế để hỗ trợ sự phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Thu nhập ngoài lãi và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại

Lý thuyết về danh mục đầu tư hiệu quả của Markowitz cho rằng đa dạng hóa danh mục sẽ giúp nhà đầu tư tối đa hóa hiệu quả ở một mức độ rủi ro nhất định. Điều quan trọng của việc đa dạng hóa là phải đầu tư vào các tài sản không có mối tương quan cao với nhau, nếu không thì việc đa dạng hóa sẽ trở nên không hiệu quả (Markowitz, 1952). DeYoung & Rice (2004) đã kết luận rằng sự gia tăng thu nhập ngoài lãi giúp cải thiện lợi nhuận (ROE) nhưng cũng làm tăng biến động lợi nhuận và khiến tỷ suất lợi nhuận điều chỉnh theo rủi ro suy giảm. Huang & Chen (2006) chỉ ra rằng các ngân hàng có tỷ lệ thu nhập ngoài lãi quá cao hoặc quá thấp đều hoạt động hiệu quả hơn so với nhóm có mức trung bình; bên cạnh đó, thu nhập ngoài lãi phi phí lại có tác động tích cực đến hiệu quả ngân hàng, cho thấy việc chuyên môn hóa vào các hoạt động phi truyền thống có thể giúp giảm chi phí và cải thiện năng suất. Việc mở rộng cơ cấu thu nhập, đặc biệt thông qua đa dạng hóa các nguồn thu phi lãi, có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng; cụ thể, sự dịch

---

chuyển từ thu nhập lãi sang các hoạt động tạo thu nhập phi lãi góp phần nâng cao lợi nhuận cũng như lợi nhuận điều chỉnh theo rủi ro của các ngân hàng; bên cạnh đó, các ngân hàng ngân hàng địa phương là nhóm thụ hưởng nhiều lợi ích nhất từ việc đa dạng hóa thu nhập so với các ngân hàng quy mô lớn hơn (Addai & cộng sự, 2022). Đa dạng hóa thu nhập có tác động khác biệt đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng tùy theo quy mô; đối với các ngân hàng quy mô vừa và lớn, đa dạng hóa góp phần cải thiện hiệu suất, thể hiện qua mức lợi nhuận và rủi ro được cải thiện; ngược lại, đối với các ngân hàng nhỏ, đa dạng hóa lại làm suy giảm hiệu quả (Sharma & Anand, 2018).

Trong ngân hàng thương mại, đa dạng hóa thu nhập được thể hiện thông qua việc gia tăng các nguồn thu ngoài lãi bên cạnh thu nhập lãi truyền thống từ tín dụng. Trên cơ sở lý thuyết danh mục đầu tư và bằng chứng từ một số nghiên cứu thực nghiệm, việc mở rộng thu nhập ngoài lãi được kỳ vọng giúp phân tán rủi ro và cải thiện hiệu quả hoạt động. Do đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết:

*H1: Thu nhập ngoài lãi có tác động tích cực đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại.*

## **2.2. Vai trò của chất lượng thể chế**

Một số nghiên cứu đã đưa ra một số bằng chứng cho thấy mối quan hệ giữa chất lượng thể chế và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại. Lensink & Meesters (2014) cho thấy chất lượng thể chế tác động đến hiệu quả ngân hàng theo hai hướng. Thứ nhất, các ngân hàng hoạt động trong môi trường thể chế tốt hơn có khả năng áp dụng các công nghệ giúp tiết giảm chi phí một cách hiệu quả hơn, thể hiện qua hệ số âm có ý nghĩa thống kê của nhiều chỉ số thể chế trong hàm chi phí biên. Thứ hai, khi thể chế phát triển hơn, ngân hàng sử dụng công nghệ hiện có một cách hiệu quả hơn, từ đó giảm mức độ phi hiệu quả. Nhìn chung, hai tác giả nhấn mạnh vai trò quan trọng của một nền tảng thể chế vững chắc đối với đổi mới công nghệ lẫn hiệu quả vận hành của ngân hàng.

Một số nghiên cứu khác cũng đưa ra các kết luận tương tự. Kumar & cộng sự (2023) nhận thấy tham nhũng và bất ổn chính trị làm thu nhập ngân hàng suy giảm. Trinugroho & cộng sự (2025) kết luận rằng các yếu tố như chất lượng quy định, kiểm soát tham nhũng hay mức độ tiếng nói – trách nhiệm giải trình có xu hướng cải thiện lợi nhuận. Trong khi đó, ổn định chính trị, hiệu quả của chính phủ và chất lượng luật pháp thường giúp nâng cao hiệu quả chi phí. Chất lượng thể chế không chỉ tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động mà còn đóng vai trò điều tiết. Cụ thể, thể chế tốt làm suy giảm tác động tiêu cực của nợ xấu lên hiệu quả ngân hàng. Điều này cho thấy các ngân hàng hoạt động trong môi trường thể chế vững mạnh có khả năng chống chịu rủi ro tốt hơn. AlAjmi & cộng sự (2022) cũng chỉ ra rằng môi trường thể chế tốt, với quản trị minh bạch và pháp luật rõ ràng, vừa trực tiếp nâng cao hiệu quả ngân hàng, vừa hỗ trợ mỗi quan hệ giữa công bố trách nhiệm xã hội và hiệu quả hoạt động.

Mặc dù đã có khá nhiều nghiên cứu kết luận về tác động của chất lượng thể chế và thu nhập ngoài lãi đến hiệu quả của các ngân hàng thương mại, nhưng vẫn còn rất ít nghiên cứu xem xét sự tương tác giữa hai yếu tố này. Houston & cộng sự (2011) cho thấy rằng khi chất lượng thể chế ở mức cao, các ngân hàng có điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động phi truyền thống, qua đó giảm mức độ phụ thuộc vào tín dụng và mở rộng cơ cấu nguồn thu. Ngược lại, trong môi trường thể chế yếu, các ngân hàng trở nên thận trọng hơn, theo đuổi các hoạt động phi tín dụng mang tính rủi ro nhằm tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn, dẫn đến hiệu quả suy giảm và rủi ro gia tăng. Những kết quả này cho thấy chất lượng thể chế không chỉ tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động ngân hàng mà còn ảnh hưởng gián tiếp thông qua việc định hình chiến lược phi truyền thống của từng ngân hàng. Từ lập luận trên, nghiên cứu đề xuất giả thuyết:

*H2: Chất lượng thể chế có tác động điều tiết tích cực đến mối quan hệ giữa thu nhập ngoài lãi và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại.*

## **3. Phương pháp nghiên cứu**

### **3.1. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng động của 26 ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam giai đoạn 2008-2023 nhằm đánh giá tác động của thu nhập ngoài lãi đến hiệu quả tài chính và vai trò điều tiết của chất lượng

thể chế trong mối quan hệ này. Do dữ liệu dạng bảng động có thể phát sinh các vấn đề kinh tế lượng như nội sinh, tự tương quan và hiệu ứng cố định, nghiên cứu áp dụng phương pháp ước lượng GMM hệ thống hai bước theo Arellano & Bond (1991), Blundell & Bond (1998) để đảm bảo kết quả ước lượng nhất quán và hiệu quả. Các kiểm định Sargan, Hansen, AR(1) và AR(2) được sử dụng nhằm kiểm tra tính phù hợp của biến công cụ và độ tin cậy của mô hình. Bên cạnh đó, chất lượng thể chế được đo lường bằng phân tích thành phần chính (PCA) dựa trên bộ chỉ số quản trị toàn cầu (WGI) của Ngân hàng Thế giới, phản ánh mức độ hiệu quả quản trị quốc gia của Việt Nam qua các năm.

### 3.2. Nguồn dữ liệu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm dữ liệu ở cấp ngân hàng được tính toán dựa trên các số liệu tài chính thu thập từ báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của 26 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2008 đến 2023. Dữ liệu vĩ mô được thu thập từ nguồn dữ liệu công bố của Ngân hàng Thế giới (World Bank) bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, tỉ lệ lạm phát và 6 chỉ số quản trị của Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu.

### 3.3. Mô hình nghiên cứu

Để kiểm tra tác động của thu nhập ngoài lãi đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam, chúng tôi ước lượng mô hình (1)

$$Y_{it} = \alpha + \beta_1 \cdot Y_{i,t-1} + \beta_2 \cdot NII_{it} + \beta_j \cdot ICon_{it} + \beta_k \cdot ECon_t + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Bên cạnh đó, để đánh giá vai trò điều tiết của chất lượng thể chế lên mối quan hệ giữa thu nhập ngoài lãi với hiệu quả ngân hàng, chúng tôi tiếp cận phương pháp của Baron & Kenny (1986) bằng cách tạo biến tích giữa thu nhập ngoài lãi và chất lượng thể chế để phân tích tác động tương tác giữa chất lượng thể chế và thu nhập ngoài lãi lên hiệu quả tài chính của các ngân hàng theo mô hình (2). Đồng thời, chúng tôi cũng áp dụng phương pháp của Brambor & cộng sự (2006) để phân tích tác động điều tiết này.

**Bảng 1. Mô tả các biến sử dụng**

Biến	Giải thích	Cách tính
<b>Biến phụ thuộc</b>		
ROAA (đơn vị: %)	Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản	(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản trung bình)x100
ROEA (đơn vị: %)	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu	(Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu trung bình)x100
<b>Biến độc lập</b>		
NII (đơn vị: %)	Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi	(Thu nhập ngoài lãi/Tổng thu nhập)x100
IQ	Chất lượng thể chế	Ước tính theo phương pháp Phân tích thành phần chính (PCA) từ 6 chỉ số quản trị toàn cầu
IQxNII	Biến tương tác giữa thu nhập ngoài lãi và chất lượng thể chế	Chất lượng thể chế x Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi
<b>Biến kiểm soát nội bộ (ICon)</b>		
ETA (đơn vị: %)	Tỉ lệ vốn chủ sở hữu	(Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản)x100
SIZE	Quy mô ngân hàng	Ln(Tổng tài sản)
LOA (đơn vị: %)	Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản	(Cho vay khách hàng/Tổng tài sản)x100
NPLR (đơn vị: %)	Tỉ lệ nợ xấu	(Nợ nhóm 3,4,5/Tổng cho vay khách hàng)x100
<b>Biến kiểm soát vĩ mô (ECon)</b>		
EGRO (đơn vị: %)	Tăng trưởng GDP	[(GDP năm nay – GDP năm trước)/GDP năm trước]x100
INF (đơn vị: %)	Lạm phát	[(CPI năm nay – CPI năm trước)/CPI năm trước]x100

$$Y_{it} = \alpha + \beta_1 \cdot Y_{i,t-1} + \beta_2 \cdot NII_{it} + \beta_3 \cdot IQ_t + \beta_4 \cdot IQ \times NII_{it} + \beta_j \cdot ICon_{it} + \beta_k \cdot ECon_t + \varepsilon_{it} \quad (2)$$

Trong đó, Y là biến phụ thuộc đại diện cho hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam được đo lường bởi 2 chỉ số ROAA và ROEA. NII là tỷ lệ thu nhập ngoài lãi của ngân hàng. IQ là biến đại diện cho chất lượng thể chế được tính toán dựa trên phương pháp phân tích thành phần chính (PCA) từ 6 chỉ số quản trị toàn cầu công bố bởi World Bank. IQxNII là biến tương tác được tính toán bằng cách lấy tích của NII và IQ. ICon là các biến kiểm soát nội bộ bao gồm: tỉ lệ vốn chủ sở hữu (ETA), quy mô ngân hàng (SIZE), tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản (LOA) và tỉ lệ nợ xấu (NPLR). ECon là các biến kiểm soát vĩ mô bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (EGRO) và tỉ lệ lạm phát (INF). Cách tính cụ thể của từng biến được thể hiện ở Bảng 1.

#### 4. Kết quả và thảo luận

##### 4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Bảng 2 trình bày thống kê mô tả của 416 quan sát trong mẫu nghiên cứu. Hiệu quả hoạt động ngân hàng, đo lường bằng ROAA và ROEA, có giá trị trung bình lần lượt là 1,08% và 11,46%, cho thấy mức sinh lời ở mức trung bình của hệ thống ngân hàng. Thu nhập ngoài lãi (NII) chiếm tỷ trọng trung bình 29,50% tổng thu nhập và có mức biến động tương đối lớn (độ lệch chuẩn 26,68), phản ánh sự khác biệt đáng kể trong chiến lược theo đuổi thu nhập ngoài lãi giữa các ngân hàng. Chất lượng thể chế (IQ) dao động từ -1,24 đến 1,51 và có giá trị trung bình xấp xỉ 0, cho thấy chất lượng quản trị quốc gia tại Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu chỉ ở mức trung bình và chưa thực sự ổn định.

**Bảng 2. Thống kê mô tả các biến**

Variable	Obs	Mean	Std. dev.	Min	Max
ROAA	416	1,08281	1,000405	-5,99291	11,90369
ROEA	416	11,45985	8,360663	-56,3263	31,52641
NII	416	29,49589	26,67742	0,5	343,8
IQ	416	-4,34x10 <sup>-18</sup>	0,969411	-1,2357	1,51394
ETA	415	10,15641	5,342697	4,108052	46,24462
SIZE	416	32,20587	1,347938	27,82108	35,33212
LOA	416	51,20628	16,27413	2,094295	76,89065
NPLR	416	2,116592	2,140725	0	30,35
EGROW	416	5,962943	1,478204	2,553729	8,123514
INF	416	6,381861	6,021955	0,631201	23,11545

*Nguồn: tính toán của tác giả.*

Ma trận tương quan ở Bảng 3 cho thấy thu nhập ngoài lãi (NII) có tương quan âm rất yếu với ROAA và tương quan dương không đáng kể với ROEA, trong khi chất lượng thể chế (IQ) có tương quan âm yếu với ROAA nhưng tương quan dương với ROEA. Đối với ROAA, tỷ lệ vốn chủ sở hữu (ETA) có tương quan dương cao nhất, trong khi ROE lại có tương quan lớn nhất với SIZE. Xét giữa các biến độc lập, đa số hệ số tương quan ở mức thấp đến trung bình; các hệ số đều nhỏ hơn 0,7, điều này ngụ ý khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến là không đáng kể (Gujarati & Porter, 2009; Hair & cộng sự, 2010).

##### 4.2. Tác động của thu nhập ngoài lãi và chất lượng thể chế đến hiệu quả ngân hàng

Bảng 4 trình bày kết quả ước lượng mô hình System GMM hai bước nhằm kiểm tra tác động của thu nhập ngoài lãi đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng, được đo lường thông qua hai chỉ số ROAA và ROEA.

Kết quả ước lượng cho thấy thu nhập ngoài lãi (NII) có tác động tiêu cực có ý nghĩa thống kê đến cả hai chỉ số hiệu quả, với hệ số đối với ROAA là -0,0287 và đối với ROEA là -0,0644. Kết quả này cho thấy khi ngân hàng tăng tỷ trọng thu nhập ngoài lãi trong tổng thu nhập hoạt động, hiệu quả ngân hàng giảm đáng kể. Cụ thể, khi tỷ lệ thu nhập ngoài lãi tăng 1 phần trăm, ROAA giảm 0,0287 phần trăm và ROEA giảm 0,0644 phần trăm. Kết quả kiểm định Arellano-Bond cho thấy tồn tại tương quan bậc 1 nhưng không có tự tương quan bậc hai trong phần dư sai phân, với giá trị p của AR(2) lần lượt là 0,336 đối với ROAA và 0,954

**Bảng 3. Ma trận tương quan giữa các biến**

	ROAA	ROEA	NII	IQ	ETA	SIZE	LOA	NPLR	EGROW	INF
ROAA	1,000									
ROEA	0,722	1,000								
NII	-0,010	0,033	1,000							
IQ	-0,030	0,130	-0,031	1,000						
ETA	0,409	-0,180	-0,033	-0,322	1,000					
SIZE	0,034	0,454	-0,020	0,538	-0,637	1,000				
LOA	-0,102	0,104	-0,025	0,677	-0,329	0,519	1,000			
NPLR	-0,131	-0,179	-0,068	-0,017	-0,057	-0,046	-0,031	1,000		
EGROW	-0,086	-0,077	0,000	-0,220	-0,038	-0,039	-0,028	-0,003	1,000	
INF	0,145	-0,021	0,020	-0,687	0,371	-0,433	-0,651	-0,017	-0,002	1,000

Nguồn: tính toán của tác giả.

đối với ROEA, đều lớn hơn mức ý nghĩa 5%, đáp ứng yêu cầu quan trọng của ước lượng GMM. Kiểm định Hansen với giá trị p đều trên 0,5 xác nhận tính hợp lệ của các biến công cụ được sử dụng trong mô hình. Số lượng biến công cụ ở cả hai mô hình đều không vượt quá số lượng nhóm, đảm bảo mô hình không gặp vấn đề khi sử dụng biến công cụ không hợp lý. Các kiểm định chẩn đoán này xác nhận tính vững và độ tin cậy của các ước lượng trong mô hình.

Phát hiện về tác động tiêu cực của thu nhập ngoài lãi có thể được giải thích thông qua một số cơ chế. *Thứ nhất*, theo lý thuyết chi phí đại diện, việc đa dạng hóa sang các hoạt động phi truyền thống có thể làm gia tăng chi phí giám sát và kiểm soát, đặc biệt khi ban quản lý thiếu chuyên môn và kinh nghiệm trong các lĩnh vực mới. *Thứ hai*, các ngân hàng có thể gặp khó khăn trong việc quản lý rủi ro khi mở rộng sang các nguồn thu nhập phức tạp hơn do hạn chế về công nghệ, nguồn nhân lực và khung pháp lý chưa hoàn thiện. *Thứ ba*, thu nhập ngoài lãi có thể làm suy yếu lợi thế so sánh của ngân hàng trong hoạt động truyền thống, dẫn đến phân tán nguồn lực và giảm hiệu quả tổng thể. *Cuối cùng*, chi phí cơ hội và chi phí chìm liên quan đến đầu tư vào cơ sở hạ tầng, công nghệ và đào tạo nhân sự cho các hoạt động phi lãi có thể lớn hơn lợi ích ngắn hạn thu được, đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi.

Kết quả nghiên cứu cho thấy giả thuyết H1 về tác động tích cực của thu nhập ngoài lãi đến hiệu quả ngân hàng bị bác bỏ trong bối cảnh các ngân hàng thương mại Việt Nam. Điều này phù hợp với một số nghiên cứu trước đây, vốn chỉ ra rằng thu nhập ngoài lãi có mức độ biến động cao và không đem lại lợi ích khi có tương quan dương với thu nhập lãi (Stiroh, 2004; Stiroh & Rumble, 2006). Tại Việt Nam, giai đoạn 2008-2023 chứng kiến nhiều cú sốc (khủng hoảng tài chính, nợ xấu, COVID-19) khiến cả thu nhập lãi và ngoài lãi suy giảm đồng thời, làm giảm hiệu quả của đa dạng hóa. Thu nhập ngoài lãi chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ và biến động lớn, trong khi năng lực triển khai hoạt động phi truyền thống, khung pháp lý và hạ tầng công nghệ còn hạn chế.

Kết quả cũng cho thấy chất lượng thể chế (IQ) có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê rất cao trong cả hai mô hình, cho thấy môi trường thể chế thuận lợi góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động ngân hàng thông qua việc nâng cao tính minh bạch, hiệu quả thực thi pháp luật và sự ổn định của môi trường kinh doanh - tài chính. Kết quả này khẳng định vai trò nền tảng của chất lượng thể chế đối với hiệu quả và tính bền vững của hệ thống ngân hàng. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước cho rằng chất lượng thể chế tốt giúp ngân hàng nâng cao hiệu quả vận hành thông qua việc giảm chi phí, cải thiện khả năng ứng dụng và khai thác công nghệ, đồng thời hạn chế các hành vi gây tổn hại đến hiệu quả như tham nhũng và bất ổn chính sách (Lensink & Meesters, 2014; Kumar & cộng sự, 2023). Bên cạnh tác động trực tiếp, một số nghiên cứu gần đây cũng nhấn mạnh rằng môi trường thể chế vững mạnh còn giúp tăng cường kỷ luật thị trường và nâng cao khả năng chống chịu rủi ro của ngân hàng, qua đó củng cố hiệu quả hoạt động một cách bền vững (Trinugroho & cộng sự, 2025; AlAjmi & cộng sự, 2022).

**Bảng 4. Ước lượng tác động của đa dạng hóa và chất lượng thể chế đến hiệu quả ngân hàng**

	ROAA	ROEA
L.ROAA	0,0359	
L.ROEA		0,181*
NII	-0,0287***	-0,0644**
IQ	1,310***	14,83***
ETA	0,00234	-1,277**
SIZE	-1,874***	-23,73***
LOA	0,0459**	0,543**
NPLR	-0,104*	-1,313***
EGROW	0,0810**	1,102***
INF	0,173***	1,769***
_cons	58,66***	745,0***
N	390	390
Số nhóm	26	26
Số công cụ	19	19
AR(1) – Pr > z	0,026	0,015
AR(2) – Pr > z	0,336	0,954
Hansen test – Prob > $\chi^2$	0,369	0,087

Nguồn: tính toán của tác giả.

### 4.3. Vai trò điều tiết của chất lượng thể chế

Bảng 5 mở rộng phân tích bằng cách đưa vào biến tương tác nhằm làm rõ vai trò điều tiết của chất lượng thể chế trong mối quan hệ này. Kết quả các kiểm định Arellano-Bond cho thấy mô hình không tồn tại tự tương quan bậc hai, đồng thời các kiểm định Hansen đều có giá trị p-value lớn hơn 0,05, chứng tỏ các biến công cụ được lựa chọn là phù hợp và mô hình được ước lượng hợp lệ (Arellano & Bond, 1991; Blundell & Bond, 1998; Roodman, 2009).

Kết quả ước lượng cho thấy tác động bất lợi của thu nhập ngoài lãi (NII) đối với hiệu quả ngân hàng vẫn được duy trì khi kiểm soát yếu tố thể chế, khẳng định rằng thu nhập ngoài lãi chưa phải là chiến lược cải thiện hiệu quả phù hợp trong bối cảnh hiện nay của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Song song với đó, chất lượng thể chế (IQ) tiếp tục thể hiện tác động trực tiếp tích cực và có ý nghĩa thống kê cao đối với hiệu quả ngân hàng trong cả hai mô hình ROAA và ROEA. Phát hiện này nhất quán với kết quả ở Bảng 4 và củng cố lập luận rằng môi trường thể chế thuận lợi góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động ngân hàng thông qua việc cải thiện tính minh bạch, hiệu quả thực thi pháp luật và giảm chi phí giao dịch. Qua đó, chất lượng thể chế đóng vai trò như một yếu tố nền tảng thúc đẩy hiệu quả và tính bền vững của hệ thống ngân hàng.

Đáng chú ý, biến tương tác giữa chất lượng thể chế và thu nhập ngoài lãi (IQ×NII) mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê trong cả hai mô hình, cho thấy chất lượng thể chế đóng vai trò điều tiết làm gia tăng tác động tiêu cực của thu nhập ngoài lãi lên hiệu quả ngân hàng. Kết quả này hàm ý rằng trong môi trường thể chế được cải thiện, lợi ích cận biên của việc mở rộng sang các hoạt động tạo thu nhập ngoài lãi trở nên hạn chế, thậm chí bất lợi. Khi thể chế hoạt động hiệu quả hơn, các hoạt động ngân hàng truyền thống có xu hướng mang lại hiệu quả và mức độ ổn định cao hơn, khiến việc phân bổ nguồn lực sang các lĩnh vực phi truyền thống không những không cải thiện hiệu quả mà còn làm suy giảm hiệu quả tổng thể. Do đó, chất lượng thể chế không đơn thuần là yếu tố hỗ trợ đa dạng hóa, mà còn đóng vai trò như một cơ chế kỷ luật, hạn chế các chiến lược mở rộng quá mức vào các hoạt động phi truyền thống khi những hoạt động này không phù hợp với lợi thế cốt lõi của ngân hàng.

Tóm lại, chất lượng thể chế vừa là yếu tố thúc đẩy hiệu quả ngân hàng, vừa định hình lại tác động của thu nhập ngoài lãi. Trong bối cảnh thể chế được cải thiện, chiến lược tập trung vào hoạt động ngân hàng truyền thống có xu hướng mang lại hiệu quả cao hơn so với việc mở rộng sang các nguồn thu nhập ngoài lãi, qua

đó gợi ý rằng các ngân hàng thương mại cần điều chỉnh chiến lược đa dạng hóa phù hợp với điều kiện thể chế hiện hành.

**Bảng 5. Kết quả hồi quy mô hình có biến tương tác**

	<b>ROAA</b>	<b>ROEA</b>
L.ROAA	-0,00233	
L.ROEA		0,153
NII	-0,0139***	-0,0313**
IQ	0,687***	13,63***
IQxNII	-0,00371**	-0,128***
ETA	0,0333	-5,083***
SIZE	-0,066	-10,05***
LOA	-0,0438***	-0,178*
NPLR	-0,263**	0,656
EGROW	0,0385**	0,472***
INF	0,0516***	0,474**
_cons	5,74	386,4***
N	390	390
Số nhóm	26	26
Số công cụ	21	21
AR(1) – Pr > z	0,050	0,757
AR(2) – Pr > z	0,129	0,334
Hansen test – Prob > $\chi^2$	0,089	0,059

*Nguồn: tính toán của tác giả.*

## 5. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu này xem xét tác động của thu nhập ngoài lãi đến hiệu quả tài chính của 26 ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam trong giai đoạn 2008-2023, đồng thời phân tích vai trò điều tiết của chất lượng thể chế bằng phương pháp ước lượng GMM hệ thống. Kết quả thực nghiệm cho thấy thu nhập ngoài lãi có tác động tiêu cực đến hiệu quả ngân hàng, phản ánh những hạn chế trong việc mở rộng các hoạt động tạo thu nhập ngoài lãi trong bối cảnh Việt Nam. Chất lượng thể chế có tác động trực tiếp tích cực đến hiệu quả hoạt động ngân hàng, nhưng đồng thời đóng vai trò điều tiết theo hướng làm gia tăng tác động bất lợi của thu nhập ngoài lãi. Phát hiện này cho thấy môi trường thể chế không khuếch đại lợi ích của đa dạng hóa, mà hoạt động như một cơ chế kỷ luật, khiến các chiến lược mở rộng sang các hoạt động phi truyền thống trở nên kém hiệu quả hơn khi thể chế được cải thiện. Qua đó, nghiên cứu nhấn mạnh rằng trong bối cảnh chất lượng thể chế nâng cao, việc tập trung vào các hoạt động ngân hàng truyền thống có xu hướng mang lại hiệu quả và mức độ ổn định cao hơn so với việc mở rộng sang các nguồn thu nhập ngoài lãi.

Từ những kết quả trên, một số hàm ý chính sách được rút ra như sau.

*Thứ nhất*, việc tiếp tục cải cách thể chế và nâng cao chất lượng quản trị nhà nước là cần thiết nhằm trực tiếp cải thiện hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng thể chế cao không đồng nghĩa với việc khuyến khích theo đuổi thu nhập ngoài lãi bằng mọi giá. Do đó, các cải cách thể chế cần được nhìn nhận như một công cụ nhằm nâng cao hiệu quả và kỷ luật thị trường, thay vì là điều kiện bảo đảm cho sự thành công của các chiến lược mở rộng hoạt động phi truyền thống.

*Thứ hai*, Ngân hàng Nhà nước cần tăng cường vai trò giám sát đối với các hoạt động tạo thu nhập ngoài lãi của các ngân hàng thương mại. Trong môi trường thể chế ngày càng hoàn thiện, việc giám sát chặt chẽ sẽ giúp hạn chế các hoạt động đa dạng hóa mang tính mở rộng quá mức, không phù hợp với năng lực quản trị và có thể làm suy giảm hiệu quả hoạt động ngân hàng. Việc hoàn thiện khung pháp lý, ban hành các chuẩn mực quản trị rủi ro và yêu cầu minh bạch thông tin đối với các hoạt động phi truyền thống là đặc biệt cần thiết.

*Thứ ba*, các ngân hàng thương mại cần thận trọng hơn trong việc theo đuổi chiến lược mở rộng thu nhập

---

ngoài lãi, đặc biệt khi môi trường thể chế được cải thiện. Thay vì mở rộng nhanh sang các lĩnh vực ngoài lãi, các ngân hàng nên ưu tiên nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thống, củng cố năng lực quản trị rủi ro và tối ưu hóa phân bổ nguồn lực. Điều này giúp ngân hàng tận dụng tốt hơn lợi thế từ môi trường thể chế thuận lợi mà không phải đánh đổi bằng hiệu quả hoạt động.

*Cuối cùng*, việc phát triển các hoạt động tạo thu nhập ngoài lãi cần được thực hiện một cách có chọn lọc và phù hợp với năng lực nội tại của từng ngân hàng. Những hoạt động có mức độ phức tạp cao và rủi ro lớn nên được triển khai từng bước, dưới sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý, nhằm tránh làm suy giảm hiệu quả trong bối cảnh mà chất lượng thể chế đang ngày càng kỹ luật hóa hành vi mở rộng của các ngân hàng thương mại.

**Lời thừa nhận/cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một trong đề tài mã số DT.25.1-117”.

### Tài liệu tham khảo

- Addai, B., Tang, W. & Agyeman, A.S. (2022). Examining the impact of income diversification on bank performance: Are foreign banks heterogeneous?. *Journal of Applied Economics*, 25(1), 1-21. <https://doi.org/10.1080/15140326.2021.2022828>.
- AlAjmi, J., Buallay, A. & Saudagaran, S. (2022). Corporate social responsibility disclosure and banks' performance: The role of economic performance and institutional quality. *International Journal of Social Economics*. <https://doi.org/10.1108/IJSE-11-2020-0757>
- Arellano, M. & Bond, S. (1991). Some tests of specification for panel data: Monte Carlo evidence and an application to employment equations. *Review of Economic Studies*, 58, 277-297. <https://doi.org/10.2307/2297968>
- Baron, R.M. & Kenny, D.A. (1986). The moderator–mediator variable distinction in social psychological research: Conceptual, strategic, and statistical considerations. *Journal of Personality and Social Psychology*, 51(6), 1173-1182.
- Blundell, R. & Bond, S. (1998). Initial conditions and moment restrictions in dynamic panel data models. *Journal of Econometrics*, 87, 115-143. [https://doi.org/10.1016/S0304-4076\(98\)00009-8](https://doi.org/10.1016/S0304-4076(98)00009-8)
- Brambor, T., Clark, W.R. & Golder, M. (2006). Understanding interaction models: Improving empirical analyses. *Political Analysis*, 14(1), 63-82. <https://doi.org/10.1093/pan/mpi014>
- DeYoung, R. & Rice, T. (2004). Noninterest income and financial performance at US commercial banks. *Financial Review*, 39(1), 101-127. <https://doi.org/10.52932/jfm.v15i5.511>
- Gujarati, D.N. & Porter, D.C. (2009). *Basic econometrics*. McGraw-hill.
- Hair, J.F., Black, W.C., Babin, B.J. & Anderson, R.E. (2010). *Multivariate Data Analysis* (7th ed.). Pearson Education.
- Houston, J.F., Lin, C., Lin, P. & Ma, Y. (2010). Creditor rights, information sharing, and bank risk taking. *Journal of Financial Economics*, 96(3), 485-512. <https://doi.org/10.1016/j.jfineco.2010.02.008>
- Huang, L.W. & Chen, Y.K. (2006). Does bank performance benefit from non-traditional activities? A case of non-interest incomes in Taiwan commercial banks. *Asian Journal of Management and Humanity Sciences*, 1(3), 359-378.
- Kumar, A., Ahmed, K., Bhayo, M.U.R. & Kalhor, M.R. (2023). Banking performance and institutional quality: Evidence from dynamic panel data analysis. *International Journal of Finance & Economics*, 28(4), 4717-4737. <https://doi.org/10.1002/ijfe.2673>
- Law, S.H. & Azman-Saini, W.N.W. (2012). Institutional quality, governance, and financial development. *Economics*

---

*of Governance*, 13(3), 217-236.

- Lensink, R. & Meesters, A. (2014). Institutions and bank performance: A stochastic frontier analysis. *Oxford Bulletin of Economics and Statistics*, 76(1), 67-92. <https://doi.org/10.1111/obes.12002>
- Lepetit, L., Nys, E., Rous, P. & Tarazi, A. (2008). Bank income structure and risk: An empirical analysis of European banks. *Journal of Banking & Finance*, 32(8), 1452-1467. <https://doi.org/10.1016/j.jbankfin.2007.12.002>
- Markowitz, H. (1952). Portfolio selection. *The Journal of Finance*, 7(1), 77-91.
- Meslier, C., Tacneng, R. & Tarazi, A. (2014). Is bank income diversification beneficial? Evidence from an emerging economy. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 31, 97-126. <https://doi.org/10.1016/j.intfin.2014.03.007>
- Nguyen, J. (2012). The relationship between net interest margin and noninterest income using a system estimation approach. *Journal of Banking & Finance*, 36(9), 2429-2437. <https://doi.org/10.1016/j.jbankfin.2012.04.017>
- North, D.C. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511808678>
- Roodman, D. (2009). How to do xtabond2: An introduction to difference and system GMM in Stata. *The Stata Journal*, 9(1), 86-136. <https://doi.org/10.22004/AG.ECON.122704>
- Sharma, S. & Anand, A. (2018). Income diversification and bank performance: Evidence from BRICS nations. *International Journal of Productivity and Performance Management*, 67(3). <https://doi.org/10.1108/IJPPM-01-2018-0013>
- Stiroh, K.J. (2004). Diversification in banking: Is noninterest income the answer?. *Journal of Money, Credit and Banking*, 36(5), 853-882. <https://doi.org/10.1353/mcb.2004.0076>
- Stiroh, K.J. & Rumble, A. (2006). The dark side of diversification: The case of US financial holding companies. *Journal of Banking & Finance*, 30(8), 2131-2161. <https://doi.org/10.1016/j.jbankfin.2005.04.030>
- Trinugroho, I., Septianto, F., Karyani, E., Hanafi, M.M., Alfitman, S.A. & Sergi, B.S. (2025). Non-performing loans and bank performance: Does institutional quality matter?. *International Journal of Economics and Management*, 19(1), 85-98. <http://doi.org/10.47836/ijeam.19.1.06>
- Xie, Z., Liu, X., Najam, H., Fu, Q., Abbas, J., Comite, U. & Miculescu, A. (2022). Achieving financial sustainability through revenue diversification: A green pathway for financial institutions in Asia. *Sustainability*, 14(6), 3512. <https://doi.org/10.3390/su14063512>

\* Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thanh Hoa. Email: [nthoa@tdmu.edu.vn](mailto:nthoa@tdmu.edu.vn)